

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 39/2015/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định một số nội dung về công tác lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành thông tư quy định một số nội dung về công tác lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định một số nội dung về công tác lựa chọn nhà thầu; trách nhiệm của các bên có liên quan trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý (không bao gồm các dự án lâm sinh).

2. Đối với dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (gọi chung là vốn ODA), nếu điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có những quy định về thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu khác với quy định của Thông tư này thì thực hiện theo các quy định tại điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (PTNT), Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là UBND các tỉnh) và các tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ) quản lý.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Cơ quan chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc đầu mối quản lý dự án* thuộc Bộ là các Tổng cục, Cục, Vụ được Bộ trưởng giao trong văn bản cho phép lập dự án đầu tư (gọi tắt là cơ quan thẩm định thuộc Bộ).

2. *Cơ quan đầu mối thẩm định dự án thuộc địa phương* do UBND các tỉnh giao nhiệm vụ đối với các dự án được Bộ giao UBND các tỉnh quyết định đầu tư (gọi tắt là cơ quan thẩm định thuộc địa phương).

3. *Chủ dự án* là Ban quản lý các dự án Nông nghiệp, Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp, Ban quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi (gọi tắt là các Ban CPO) hoặc các đơn vị được Bộ trưởng giao.

Chương II

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 4. Lập và trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Chủ đầu tư, chủ dự án có trách nhiệm tổ chức lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (gọi tắt là KHLCNT) theo quy định tại các Điều 33, 34, 35, 36 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và các quy định sau:

1. Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tiến độ thực hiện dự án được phê duyệt hoặc Hiệp định đã ký kết (đối với dự án ODA), bảo đảm tính đồng bộ của dự án; các gói thầu có quy mô hợp lý, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, đặc thù công trình, quy định trong nước và quy định của Nhà tài trợ.

2. Giá gói thầu được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư hoặc dự toán được phê duyệt (nếu có). Giá gói thầu được tính đúng, tính đủ toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (gồm cả chi phí dự phòng, thuế, phí và lệ phí). Trong đó, chi phí dự

phòng bao gồm dự phòng cho phát sinh khối lượng (tính theo tỷ lệ phần trăm (%) và phù hợp với bước thiết kế khi lập KHLCNT), dự phòng cho yếu tố trượt giá (được tính theo thời gian, tiến độ thực hiện gói thầu) và phù hợp với loại hợp đồng theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Trường hợp giá gói thầu xác định cao hơn so với giá trị hạng mục được duyệt trong tổng mức đầu tư (bao gồm cả dự phòng cho hạng mục), trước khi phê duyệt giá gói thầu làm căn cứ trình người quyết định đầu tư phê duyệt KHLCNT, chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư và giải trình rõ nguyên nhân, đề xuất nguồn kinh phí sử dụng cho phần tăng đó của gói thầu đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Trường hợp gói thầu được ghép từ nhiều hạng mục hoặc một hạng mục trong tổng mức đầu tư được chia thành nhiều gói thầu hoặc trường hợp gói thầu có thể phân chia thành các phần việc (đối với dự án trong nước) hoặc lô (đối với dự án ODA) riêng biệt theo tính chất công việc thì chủ đầu tư phải nêu rõ lý do, nội dung công việc và giá trị từng hạng mục, phần việc hoặc lô đó trong KHLCNT.

3. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư, chủ dự án thực hiện theo quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26 và 27 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13. Tùy theo tính chất, đặc điểm, giá gói thầu, chủ đầu tư, chủ dự án lựa chọn hình thức lựa chọn nhà thầu cho phù hợp, trong đó phải giải trình rõ lý do và điều kiện áp dụng để người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư, chủ dự án thực hiện theo quy định tại các Điều 28, 29, 30 và 31 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, việc đề xuất phương thức lựa chọn nhà thầu phải đảm bảo phù hợp với quy mô, tính chất và yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.

5. Loại hợp đồng: Chủ đầu tư, chủ dự án thực hiện theo quy định tại Điều 62 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và nêu rõ cơ sở, điều kiện lựa chọn loại hợp đồng phù hợp với quy mô, tính chất, đặc điểm gói thầu. Hợp đồng trọn gói được áp dụng trong các trường hợp:

a) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn đơn giản (gồm tư vấn lập HSMT đánh giá HSĐT, quy đổi vốn đầu tư...) và dịch vụ phi tư vấn đơn giản;

b) Gói thầu mua sắm hàng hóa có giá trị gói thầu không quá 10 tỷ đồng;

c) Gói thầu xây lắp, gói thầu hỗn hợp có giá trị gói thầu không quá 20 tỷ đồng;

6. Trường hợp cần thiết phải bổ sung gói thầu để thực hiện một hay nhiều hạng mục bổ sung trong quá trình triển khai dự án, công trình nhưng các hạng mục này chưa được duyệt trong dự án đầu tư hoặc kinh phí chưa được xác định trong tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình thì chủ đầu tư tạm tính giá gói thầu, đề xuất nguồn vốn để thực hiện gói thầu và trình người có thẩm quyền xem xét quyết định phê duyệt KHLCNT làm căn cứ tổ chức thực hiện. Việc thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu thực hiện theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

7. Đối với các dự án ODA: Chủ đầu tư, chủ dự án căn cứ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này để lập KHLCNT làm căn cứ đàm phán với Nhà tài trợ khi ký kết Hiệp định.

Điều 5. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Các cơ quan, đơn vị thẩm định KHLCNT thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và các quy định sau:

1. Đối với các gói thầu thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, chủ dự án, chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án giao một đơn vị chuyên môn trực thuộc để thẩm định KHLCNT trước khi phê duyệt. Giá gói thầu do chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án phê duyệt phải căn cứ vào quyết định phê duyệt nhiệm vụ (đề cương) và dự toán của gói thầu sau khi được cơ quan thẩm định thuộc Bộ có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản.

2. Đối với các dự án Bộ phê duyệt dự án đầu tư, cơ quan tổ chức thẩm định KHLCNT là cơ quan thẩm định thuộc Bộ có trách nhiệm thẩm định, lập báo cáo thẩm định và dự thảo quyết định trình Bộ phê duyệt. Đối với dự án ODA, chủ dự án phải có tờ trình đồng trình với chủ đầu tư khi trình Bộ xem xét, phê duyệt KHLCNT và phải chịu trách nhiệm về nội dung KHLCNT.

3. Đối với các dự án ODA Bộ giao cho UBND các tỉnh phê duyệt dự án đầu tư, cơ quan đầu mối thẩm định KHLCNT là cơ quan thẩm định thuộc địa phương có trách nhiệm thẩm định, lập báo cáo thẩm định và dự thảo quyết định trình UBND tỉnh phê duyệt. Chủ dự án phải có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản về KHLCNT của chủ đầu tư trình trước khi UBND tỉnh phê duyệt và phải chịu trách nhiệm về nội dung KHLCNT.

4. Trình tự thẩm định, phê duyệt

Chủ đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ trình duyệt trực tiếp tại văn thư hoặc bộ phận một cửa hoặc gửi theo đường bưu điện đến cơ quan thẩm định thuộc Bộ (đối với dự án do Bộ là cấp quyết định đầu tư), cơ quan thẩm định thuộc địa phương (đối với dự án ODA Bộ giao địa phương phê duyệt) để các cơ quan này tổ chức thẩm định, lập báo cáo thẩm định và dự thảo quyết định phê duyệt KHLCNT trình Bộ hoặc UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại các Điều 33, 34, 35, 36 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13. Thời hạn giải quyết theo quy định tại điểm a, h Khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13. Quyết định phê duyệt KHLCNT trả trực tiếp hoặc gửi đường bưu điện cho chủ đầu tư và các cơ quan liên quan.

Hồ sơ trình duyệt bao gồm: Tờ trình thẩm định phê duyệt KHLCNT theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành (bản chính), bản chụp quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã duyệt (trường hợp điều chỉnh, bổ sung), quyết định phê duyệt kèm hồ sơ thiết kế, dự toán (bản chính), các văn bản pháp lý có liên quan khác (nếu có).

Đối với dự án ODA đồng thời với hồ sơ trình duyệt của chủ đầu tư, chủ dự án phải gửi văn bản thỏa thuận về KHLCNT (đối với dự án Bộ giao UBND các tỉnh phê duyệt) hoặc tờ trình xin phê duyệt KHLCNT (đối với dự án do Bộ quyết định đầu tư) quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Chương III **TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

Điều 6. Lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu

Chủ dự án, chủ đầu tư lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ yêu cầu (HSYC), hồ sơ mời quan tâm (HSMQT), hồ sơ mời sơ tuyển (HSMST), hồ sơ mời thầu (HSMT) thực hiện theo quy định tại các Điều 12, 13, 23, 25, 34, 35, 42, 44, 46, 49, 51, 55, 56, 58, 59, 60, 62 và 105 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ (viết tắt là Nghị định số 63/2014/NĐ-CP) và tuân thủ theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, HSMT mẫu của Nhà tài trợ đã thông qua và thực hiện theo các quy định sau:

1. Các quy định về chỉ dẫn nhà thầu và điều kiện chung của hợp đồng phải tuân thủ theo mẫu HSMT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành, không được phép chỉnh sửa. Đối với các nội dung khác, chủ dự án, chủ đầu tư lập cho phù hợp với quy mô, tính chất của gói thầu nhưng phải bảo đảm không trái với quy định của pháp luật về lựa chọn nhà thầu.

2. HSMT phải quy định rõ tiêu chí chi tiết để xác định tính tương tự về quy mô, bản chất và độ phức tạp cho từng hạng mục, gói thầu. Quyết định phê duyệt HSYC, HSMQT, HSMST, HSMT phải bao gồm chi tiết các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ quan tâm (HSQT), hồ sơ dự sơ tuyển (HSDST), hồ sơ dự thầu (HSDT), hồ sơ đề xuất (HSDX). Hồ sơ phát hành cho nhà thầu phải được đóng dấu của chủ đầu tư (gồm cả dấu giáp lai).

3. Bảng tiên lượng trong HSMT, HSYC phải mô tả chi tiết tên công việc mời thầu, khối lượng, đơn vị tính (tương ứng với từng mã hiệu công việc cụ thể).

4. Trong HSMT của gói thầu, chủ đầu tư phải nêu rõ các chi phí được áp dụng theo loại hợp đồng tương ứng áp dụng cho gói thầu đó. Đối với hợp đồng trọn gói, chủ đầu tư phải yêu cầu nhà thầu lập giá dự thầu bao gồm tất cả chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.

5. Trình tự thẩm định, phê duyệt

Bên mời thầu (Ban quản lý dự án của chủ đầu tư hoặc tổ chức tư vấn do chủ đầu tư thuê) nộp 02 bộ hồ sơ trình duyệt trực tiếp tại văn thư hoặc bộ phận một cửa hoặc gửi theo đường bưu điện đến chủ đầu tư; thành phần hồ sơ trình duyệt quy

định tại khoản 1 Điều 105 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Chủ đầu tư giao một tổ chức, cá nhân trực thuộc hoặc lựa chọn một tổ chức tư vấn có đủ năng lực để thẩm định, lập cáo cáo thẩm định và dự thảo quyết định trình chủ đầu tư phê duyệt HSYC, HSMQT, HSMST, HSMT theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 105 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Đối với dự án ODA: Chủ đầu tư, chủ dự án thực hiện theo quy định của Nhà tài trợ.

Thời hạn giải quyết theo quy định tại điểm h, i khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13. Quyết định phê duyệt các hồ sơ trên trả trực tiếp hoặc gửi đường bưu điện cho bên mời thầu. Phí, lệ phí theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Điều 7. Tổ chức lựa chọn nhà thầu, thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Chủ dự án, chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu, thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại các Điều 11, 14, 20, 26, 31, 36, 41, 43, 45, 46, 48, 50, 51, 55, 56, 58, 59, 60, 62 và 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, quy định của Nhà tài trợ và thực hiện theo các quy định sau:

1. Chỉ tổ chức lựa chọn nhà thầu khi gói thầu được bố trí đủ nguồn vốn theo quy định và có mặt bằng xây dựng theo tiến độ thực hiện. Trường hợp gói thầu đã được phê duyệt KHLCNT nhưng chưa đáp ứng điều kiện về vốn và mặt bằng chủ đầu tư phải báo cáo cấp quyết định đầu tư trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu.

2. Trong thông báo mời thầu phải quy định cụ thể về địa điểm, phương thức phát hành HSYC, HSMQT, HSMST, HSMT gồm phát hành trực tiếp tại bên mời thầu và phát hành qua đường bưu điện (thông báo số tài khoản của chủ đầu tư, bên mời thầu, dự kiến phí chuyển bưu kiện được đăng tải cùng thông báo mời thầu).

3. Ngoài địa điểm phát hành HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC nêu tại khoản 2 Điều này, căn cứ tình hình thực tế hoặc sau khi có ý kiến của cơ quan thẩm định thuộc Bộ (đối với dự án trong nước) hoặc chủ dự án (đối với dự án ODA), chủ đầu tư có thể quy định thêm một số địa điểm phát hành để đảm bảo việc phát hành được thuận tiện, minh bạch. Trong trường hợp này chủ đầu tư phải tiến hành đăng tải bổ sung thông tin mời thầu và gia hạn thời điểm đóng thầu trên báo Đấu thầu.

4. Thông báo mời thầu và trong HSYC, HSMQT, HSMST, HSMT phải quy định cụ thể địa điểm nộp, mở HSQT, HSDST, HSDT, HSDX. Địa điểm nộp, mở hồ sơ có thể tại một địa điểm duy nhất do chủ đầu tư quy định hoặc tại địa chỉ chủ dự án (đối với các dự án ODA), hoặc tại địa chỉ cơ quan thẩm định thuộc Bộ (đối với dự án trong nước) hoặc đồng thời tại địa điểm do chủ đầu tư quy định và tại địa chỉ chủ dự án (đối với các dự án ODA), tại địa chỉ cơ quan thẩm định thuộc Bộ (đối với dự án trong nước).

5. Chủ đầu tư chỉ đánh giá HSDX, HSQT, HSDST, HSDT của các nhà thầu đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này (không đánh giá HSDT của các nhà thầu không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này và tại văn bản công bố các nhà thầu vi phạm theo đánh giá năng lực nhà thầu theo quy định của Bộ).

6. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm xử lý các tình huống trong đấu thầu theo quy định tại Điều 117 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và quy định của Nhà tài trợ. Trường hợp phức tạp, chủ đầu tư quyết định xử lý tình huống sau khi có ý kiến của người có thẩm quyền.

7. Trình tự thẩm định, phê duyệt

Bên mời thầu (Ban quản lý dự án của chủ đầu tư hoặc tổ chức tư vấn do chủ đầu tư thuê) nộp 02 bộ hồ sơ trình duyệt trực tiếp tại văn thư hoặc bộ phận một cửa hoặc gửi theo đường bưu điện đến chủ đầu tư, thành phần hồ sơ trình duyệt theo quy định tại điểm a khoản 2, 3, 4 Điều 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Chủ đầu tư giao một tổ chức, cá nhân trực thuộc hoặc lựa chọn một tổ chức tư vấn có đủ năng lực để thẩm định, lập cáo cáo thẩm định và dự thảo quyết định trình chủ đầu tư phê duyệt kết quả đánh giá HSQT, HSDST, phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm b, c khoản 2, 3, 4 Điều 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Thời hạn giải quyết theo quy định tại điểm g, h, k khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13. Quyết định phê duyệt các hồ sơ trên trả trực tiếp hoặc gửi đường bưu điện cho Bên mời thầu và các cơ quan liên quan. Phí, lệ phí theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 9 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Chương IV

THƯƠNG THẢO, KÝ KẾT VÀ QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG

Điều 8. Thương thảo, ký kết hợp đồng

Chủ dự án, chủ đầu tư thương thảo, ký kết hợp đồng thực hiện theo quy định tại các Điều 19, 31, 40, 43, 47, 48, 52, 53, 55, 56, 58, 59, 60 và 62 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, quy định tại Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 và thực hiện theo các quy định sau:

1. Chủ dự án, chủ đầu tư phải quy định trách nhiệm cụ thể đối với nhà thầu thực hiện gói thầu để tránh tình trạng tranh chấp hợp đồng (có thể thuê tư vấn pháp lý trong quá trình đàm phán, ký kết hợp đồng). Điều kiện cụ thể của hợp đồng phải quy định rõ các trường hợp được điều chỉnh, phương pháp, cách thức, phạm vi điều chỉnh giá hợp đồng cũng như cách xử lý đối với các khối lượng phát sinh của hợp đồng trong quá trình thực hiện theo quy định trong nước và của Nhà tài trợ,

quy định chi tiết về việc bồi thường, thưởng, phạt về chất lượng, tiến độ..., dừng hoặc chấm dứt hợp đồng để ràng buộc mỗi bên phải đảm bảo thực hiện theo yêu cầu tiến độ, chất lượng công trình, thanh toán và giải ngân.

2. Đối với gói thầu xây lắp thuộc loại hợp đồng trọn gói, trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, các bên liên quan phải rà soát lại công việc, yêu cầu kỹ thuật, tiến độ theo thiết kế được duyệt để thương thảo các điều kiện cụ thể của hợp đồng, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác của số lượng, khối lượng công việc và giá trị của hợp đồng.

3. Công tác bảo hiểm công trình có thể hình thành gói thầu riêng (cho một, một nhóm hoặc cho toàn bộ các gói thầu xây lắp của cả dự án) hoặc ghép vào gói thầu xây lắp. Trường hợp ghép vào gói thầu xây lắp, nhà thầu bổ sung chi phí bảo hiểm vào giá dự thầu trên cơ sở các yêu cầu về bảo hiểm do chủ đầu tư quy định đối với công tác này trong HSMT, HSYC và chịu trách nhiệm thực hiện việc bảo hiểm công trình (hạng mục) đến khi hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng gói thầu.

Chi phí bảo hiểm công trình xây dựng phải căn cứ tính chất, đặc điểm, thời gian thực hiện, mức độ ảnh hưởng, điều kiện thi công của từng hạng mục, công trình để xác định mức khấu trừ phù hợp, đảm bảo lợi ích và vốn đầu tư cho chủ đầu tư khi xảy ra sự cố.

Điều 9. Quản lý hợp đồng

Chủ dự án, chủ đầu tư quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định tại các Điều 62, 63, 64, 65, 66 và 67 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13; các Điều 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98 và 99 Nghị định 63/2014/NĐ-CP; quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; quy định về hợp đồng của Nhà tài trợ đối với dự án ODA và thực hiện theo các quy định sau:

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi nhà thầu có đề xuất khác so với HSMT, HSYC, chủ đầu tư xem xét tính hợp lý để đưa ra quyết định nhưng phải đảm bảo về chất lượng, tiến độ, an toàn lao động và tiết kiệm hiệu quả hơn đồng thời chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Chủ đầu tư phải giám sát nhà thầu, đảm bảo thực hiện hợp đồng theo đúng kế hoạch, tiến độ, chất lượng nêu trong HSMT, HSDT, HSYC, HSDX và hợp đồng đã ký kết. Thực hiện nghiêm việc xử lý vi phạm hợp đồng đối với các hành vi chậm tiến độ, không đảm bảo chất lượng công trình. Công khai thông tin xử lý vi phạm theo quy định tại khoản 4 Điều 90 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và quy định đánh giá năng lực nhà thầu của Bộ.

3. Trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, chủ đầu tư phải nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu (kể cả với trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong quá trình thực hiện). Bảo đảm thực hiện hợp đồng thực hiện theo mẫu quy định để đảm bảo chủ đầu tư có thể thu hồi ngay mà không kèm bất kỳ

điều kiện gì khi nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực và các trường hợp nhà thầu vi phạm hợp đồng, đồng thời chủ đầu tư tiến hành xử lý hợp đồng theo quy định và báo cáo cấp quyết định đầu tư.

4. Trước thời điểm tạm ứng, chủ đầu tư phải nhận được bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng tương đương với giá trị tạm ứng, thời hạn bảo lãnh tạm ứng phải có hiệu lực đến khi nhà thầu hoàn hết giá trị tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng theo mẫu quy định, đảm bảo chủ đầu tư có thể thu hồi ngay mà không kèm bất kỳ điều kiện gì khi nhà thầu vi phạm. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm giám sát nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng đúng mục đích, yêu cầu của gói thầu và thanh toán hoàn tạm ứng theo quy định hiện hành.

5. Chủ dự án, chủ đầu tư phải cung cấp hồ sơ thiết kế, phạm vi đền bù và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng đảm bảo theo tiến độ thực hiện gói thầu. Khi có vướng mắc về mặt bằng thi công, chủ đầu tư cùng địa phương thống nhất phương án giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền chủ đầu tư phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Đối với các gói thầu thuộc dự án ODA, hợp đồng phải quy định rõ nguồn chỉ số giá, phương pháp, cách thức tính giá trị tương đương, tỷ giá quy đổi. Có biện pháp quản lý rủi ro liên quan đến sự biến động của tỷ giá ngoại tệ trong hợp đồng trong trường hợp nhà thầu chào các chi phí liên quan đến thực hiện gói thầu bằng đồng tiền ngoại tệ.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng

Chủ đầu tư và nhà thầu thực hiện việc điều chỉnh giá và khối lượng của hợp đồng theo các quy định tại Điều 93 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, quy định của Nhà tài trợ và các quy định sau:

1. Việc điều chỉnh giá hợp đồng phải được các bên thỏa thuận và quy định cụ thể trong hợp đồng về các trường hợp được điều chỉnh giá hợp đồng, trình tự, phạm vi, phương pháp và căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, tính chất công việc trong hợp đồng. Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng đã ký (không bao gồm thời gian bảo hành). Không điều chỉnh giá hợp đồng đối với trường hợp gia hạn hợp đồng bởi các nguyên nhân chủ quan do nhà thầu gây nên.

2. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định khi có phát sinh khối lượng hoặc các rủi ro phát sinh khác (nếu có) so với hợp đồng đã ký kết, chủ đầu tư được phép thanh toán trong phạm vi dự phòng khối lượng phát sinh hoặc rủi ro của gói thầu đồng thời chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh khi có thay đổi (tăng) đơn giá so với hợp đồng đã ký kết (trượt giá) hoặc các yếu tố rủi ro, phát sinh khối lượng có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư được thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng đã ký và trong phạm vi dự phòng cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá của gói thầu, đồng thời chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện chênh lệch quá 20% khối lượng công việc tương ứng (theo mã hiệu công việc) ghi trong hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất xác định đơn giá mới theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho khối lượng phát sinh (chỉ áp dụng cho phần khối lượng chênh lệch trên 20%) nhưng không vượt đơn giá tính theo định mức và chế độ nhà nước quy định tại thời điểm thực hiện, phần khối lượng phát sinh bằng và dưới 20% sử dụng đơn giá trong hợp đồng.

5. Chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định trước khi ký điều chỉnh, bổ sung hợp đồng trong các trường hợp sau:

a) Giá hợp đồng sau điều chỉnh (gồm điều chỉnh khối lượng công việc, điều chỉnh đơn giá, điều chỉnh giá) vượt giá gói thầu hoặc dự toán gói thầu (gồm cả chi phí dự phòng của gói thầu);

b) Điều chỉnh tiến độ tại các điểm dừng kỹ thuật đối với các hạng mục quan trọng trong gói thầu;

c) Điều chỉnh kéo dài tiến độ hợp đồng.

6. Đối với dự án ODA, chủ đầu tư cùng chủ dự án trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận điều chỉnh trước khi xin ý kiến nhà tài trợ theo quy định.

Chương V **CÁC VẤN ĐỀ KHÁC**

Điều 11. Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu

Chủ dự án, chủ đầu tư quyết định thành lập tổ chuyên gia thực hiện theo quy định tại Điều 116 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, quy định của Nhà tài trợ và quy định sau:

Tùy theo tính chất và mức độ phức tạp của gói thầu, tổ chuyên gia bao gồm thành phần là các chuyên gia về lĩnh vực kỹ thuật, tài chính, thương mại, hành chính, pháp lý và các lĩnh vực có liên quan. Riêng nội dung đánh giá về kỹ thuật và tài chính phải bố trí tối thiểu 02 chuyên gia đánh giá độc lập. Để bảo đảm tính khách quan và độc lập, từng thành viên đánh giá độc lập, không đánh giá theo nhóm.

Điều 12. Tổ chức thẩm định hồ sơ trong quá trình lựa chọn nhà thầu

Chủ đầu tư giao một tổ chức, cá nhân thuộc cơ quan mình thực hiện thẩm định HSYC, HSMQT, HSMST, HSMT, kết quả đánh giá HSDX, HSQT, HSDST, HSDT, danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 105 và 106 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP trước khi phê duyệt và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Trường hợp tổ chức, cá nhân không đủ năng lực thì chủ đầu tư tiến hành lựa chọn một tổ chức tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm để thẩm định.

Điều 13. Quy định về gửi, quản lý hồ sơ lựa chọn nhà thầu

1. Ngay sau khi mở thầu, chủ đầu tư phải lưu giữ 01 bộ bản chụp HSQT, HSDST, HSDT, HSDX có niêm phong với chữ ký ghi rõ họ tên, đơn vị của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu, chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo mật (trong thời gian hiệu lực của hồ sơ) theo quy định hiện hành. Nội dung, quy cách niêm phong 01 bộ bản chụp các hồ sơ trên phải được đưa vào HSYC, HSMQT, HSMST, HSMT để chủ đầu tư và nhà thầu thực hiện.

2. Đối với dự án trong nước trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi phê duyệt (theo dấu bưu điện) chủ đầu tư phải gửi về cơ quan thẩm định thuộc Bộ các tài liệu sau:

a) Quyết định phê duyệt kèm theo 01 bộ HSYC, HSMQT, HSMST, HSMT (gồm cả hồ sơ thiết kế và dự toán gói thầu đã được phê duyệt);

b) Quyết định phê duyệt danh sách các nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (gồm báo cáo đánh giá của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định của chủ đầu tư);

c) Quyết định phê duyệt kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu, kết quả chỉ định thầu (gồm báo cáo đánh giá của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định của chủ đầu tư).

3. Đối với các gói thầu thuộc dự án ODA, chủ đầu tư phải gửi 01 bộ HSYC, HSMQT, HSMST, HSMT được duyệt; danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và kết quả lựa chọn nhà thầu về chủ dự án để kiểm tra xem xét trước khi xin ý kiến Nhà tài trợ. Khi gửi các hồ sơ xin ý kiến Nhà tài trợ đồng thời chủ dự án phải gửi đến cơ quan thẩm định thuộc Bộ để tổng hợp, theo dõi giám sát. Trưởng các Ban CPO, giám đốc các Ban quản lý dự án phải chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về HSYC, HSMQT, HSMST, HSMT, các bước đánh giá HSDX, HSQT, HSDST, HSDT và kết quả lựa chọn nhà thầu theo đúng trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật và của Nhà tài trợ.

4. Chủ đầu tư phải gửi Hợp đồng (gồm cả phụ lục hợp đồng và phụ lục hợp đồng điều chỉnh, bổ sung) đã được ký kết về cơ quan thẩm định thuộc Bộ để theo dõi, giám sát trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi hợp đồng được ký kết.

5. Chủ dự án, chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc không gửi hoặc chậm gửi hồ sơ, tài liệu theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 14. Dự toán gói thầu

1. Dự toán gói thầu được chủ đầu tư phê duyệt cùng với HSMT, HSYC theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; dự toán gói thầu sẽ thay thế giá gói thầu trong KHLCNT để làm căn cứ xét thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 117 Nghị định 63/2014/NĐ-CP; trường hợp dự toán gói thầu được duyệt cao hơn giá gói thầu trong KHLCNT nhưng không vượt giá trị dự toán hạng mục, gói thầu trong tổng mức đầu tư (bao gồm cả dự phòng hạng mục) thì chủ đầu tư được quyền quyết định. Trường hợp dự toán gói thầu cao hơn giá trị gói thầu trong KHLCNT đã được duyệt và vượt giá trị dự toán hạng mục, gói thầu trong tổng mức đầu tư (bao gồm cả dự phòng hạng mục) thì trước khi phê duyệt chủ đầu tư phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

2. Dự toán gói thầu cho loại hợp đồng trọn gói bao gồm chi phí dự phòng cho khối lượng và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng. Việc hướng dẫn xác định giá chào thầu phải được chủ đầu tư đưa vào HSMT theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này.

Đối với gói thầu quy mô nhỏ, hợp đồng trọn gói nếu xét thấy khối lượng mời thầu đã xác định chuẩn xác, thời gian thực hiện ngắn thì dự toán gói thầu không bao gồm chi phí dự phòng cho khối lượng và trượt giá.

3. Dự toán gói thầu cho loại hợp đồng theo đơn giá cố định làm căn cứ xét duyệt trúng thầu bao gồm dự phòng trượt giá và không bao gồm chi phí cho các yếu tố rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng (khi có phát sinh, việc thanh toán thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này).

4. Dự toán gói thầu cho loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh làm căn cứ xét duyệt trúng thầu không bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng (khi có phát sinh, việc thanh toán thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này).

Điều 15. Công khai thông tin về năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng công trình

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia dự thầu đối với các gói thầu do Bộ quyết định đầu tư phải cung cấp và cập nhật thông tin về năng lực, kinh nghiệm của mình vào cơ sở dữ liệu nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 8 và đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 và điểm e khoản 2 Điều 22 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13.

2. Các chủ dự án, chủ đầu tư thường xuyên theo dõi, kiểm tra đánh giá năng lực tổ chức, cá nhân các nhà thầu tham gia các gói thầu (khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế, giám sát, thi công xây dựng công trình) do mình quản lý theo quy định của Bộ.

Kết quả đánh giá được công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Website của Cục Quản lý xây dựng công trình (<http://xdbc.vn>). Chủ dự án, chủ đầu tư căn cứ kết quả đánh giá và quy định tại Khoản 1 Điều này làm căn cứ trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

3. Đối với gói thầu do nhà thầu nước ngoài thực hiện, trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, chủ đầu tư cùng chủ dự án có trách nhiệm gửi báo cáo bằng văn bản về thông tin nhà thầu trúng thầu do mình quản lý đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan thẩm định thuộc Bộ và Sở Kế hoạch và Đầu tư ở địa phương nơi triển khai dự án để tổng hợp và theo dõi.

Chương VI

KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ THEO DÕI

CÔNG TÁC LỰA CHỌN NHÀ THẦU VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Điều 16. Kiểm tra, giám sát, theo dõi công tác lựa chọn nhà thầu và thực hiện hợp đồng

1. Tổng cục, Cục, Vụ thuộc Bộ được Bộ giao quản lý dự án (trường hợp đặc biệt, Bộ sẽ bổ sung thêm một số đơn vị chức năng) có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và theo dõi công tác lựa chọn nhà thầu và thực hiện hợp đồng của chủ dự án, chủ đầu tư về trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt HSYC, HSMQT, HSMST, HSMT; tổ chức lựa chọn nhà thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Thông tư này và Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kiểm tra công tác lựa chọn nhà thầu, quy định của Nhà tài trợ và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Trong vòng 07 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ quy định tại Điều 13 Thông tư này nếu phát hiện có nội dung chưa phù hợp, không đúng quy định, cơ quan thẩm định thuộc Bộ phải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư xem xét, điều chỉnh và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Chủ dự án, chủ đầu tư

a) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 74 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và các quy định tại Thông tư này;

b) Xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu theo thẩm quyền, kết quả xử lý phải đăng tải trên Báo Đấu thầu và trên trang thông tin điện tử của Bộ theo quy định; kịp thời báo cáo Bộ và đề xuất biện pháp xử lý

đối với các trường hợp vượt thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng khi không báo cáo, hoặc báo cáo không đầy đủ, kịp thời khi phát hiện tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu. Thực hiện báo cáo về công tác đấu thầu đầy đủ nội dung và thời gian theo quy định; các trường hợp không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ nội dung, không tuân thủ thời gian sẽ bị xử lý trách nhiệm theo quy định pháp luật;

c) Quản lý tổ chức thực hiện hợp đồng đảm bảo tiến độ, chất lượng, nghiệm thu, giải ngân. Đánh giá năng lực nhà thầu thực hiện hợp đồng các gói thầu do mình quản lý theo quy định của Bộ. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm hợp đồng theo thẩm quyền và báo cáo Bộ;

d) Các Ban CPO, chủ dự án chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư thực hiện các quy định về đấu thầu của Nhà tài trợ đối với các dự án ODA, đồng thời chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và pháp luật về công tác lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Bộ trưởng giao quản lý.

2. Cơ quan đầu mối thẩm định dự án thuộc địa phương

Kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt; tổng hợp công tác đấu thầu báo cáo chủ dự án, Bộ và Nhà tài trợ theo quy định.

3. Tổng cục, Cục, Vụ thuộc Bộ được Bộ giao quản lý dự án

Thực hiện quản lý, giám sát theo dõi công tác lựa chọn nhà thầu, thực hiện hợp đồng đối với các dự án đầu tư xây dựng được Bộ giao:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức đấu thầu của chủ đầu tư, chủ dự án; báo cáo Bộ xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu, giải quyết kiến nghị về đấu thầu theo quy định;

b) Kiểm tra, giám sát việc quản lý, thực hiện hợp đồng của chủ đầu tư, chủ dự án, nhà thầu đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và quy định của Nhà tài trợ; báo cáo Bộ xử lý các hành vi vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng và các quy định pháp luật có liên quan;

c) Tổng hợp báo cáo Bộ về công tác đấu thầu, năng lực các nhà thầu đối với các dự án được Bộ giao quản lý theo quy định.

4. Cục Quản lý xây dựng công trình

a) Thực hiện quản lý, giám sát theo dõi công tác lựa chọn nhà thầu, thực hiện hợp đồng đối với các dự án đầu tư xây dựng được Bộ giao theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Tham mưu, giúp Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác đấu thầu:

Tổ chức, hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về đấu thầu; xây dựng các tiêu chí về năng lực chuyên môn cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu theo các quy định về đấu thầu trong nước và của Nhà tài trợ.

Xây dựng, đề xuất trình Bộ ban hành các văn bản quản lý về đấu thầu thuộc thẩm quyền của Bộ để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đấu thầu các dự án do Bộ quản lý.

Phối hợp với các đơn vị quy định tại khoản 3 Điều này trong việc theo dõi, giám sát, kiểm tra, giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Tổng hợp báo cáo Bộ về công tác đấu thầu, năng lực các nhà thầu theo quy định.

c) Tổng kết, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình do Bộ quản lý gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

5. Thanh tra Bộ:

Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc kiểm tra, thanh tra, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong đấu thầu và xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, Thông tư này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10/12/2015, các quy định trước đây của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ bằng văn bản (qua Cục Quản lý xây dựng công trình) để xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Văn Thắng